

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1991 “có mặt”;

- **Bị đơn:** Ông Phạm Công Kh, sinh năm 1982 “có mặt”;

Cùng cư trú: thôn Bình Giai, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đào Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đào Thị Đ và ông Trần Công Kh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 03 tháng 6 năm 2008. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Kh thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường hay cãi nhau và ông Kh còn có hành vi đánh đập vợ con vô cớ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng dẫn đến không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023

cho đến nay. Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Kh

- Về con chung: Vợ chồng bà Đ có 02 người con chung là Trần Thị Thu Th, sinh ngày 21/9/2007 và Trần Khánh V, sinh ngày 17/4/2012. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Công Kh trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Kh và bà Đ tự nguyện chung chung với nhau từ năm 2006 và đến năm 2008 thì vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung đầu chung sống, vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách nuôi dạy các con khác nhau, hai bên gia đình nội, ngoại chưa hiểu nhau nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và không có tiếng nói chung và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay. Tuy nhiên, ông Kh xét thấy những mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên ông không muốn vợ chồng ly hôn. Trường hợp nếu bà Đ cương quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận ly hôn với bà Đ.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng ông Kh có 02 người con chung là Trần Thị Thu Th, sinh ngày 21/9/2007 và Trần Khánh V, sinh ngày 17/4/2012.

Đối với con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết ông phải ly hôn với bà Đ thì ông đồng ý theo nguyện vọng của các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Đào Thị Đ được ly hôn với ông Trần Công Kh.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Trần Thị Thu Th, sinh ngày 21/9/2007 và Trần Khánh V, sinh ngày 17/4/2012 cho bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và V đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn bà Đào Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Công Kh theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Kh cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Đào Thị Đ và ông Trần Công Kh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 03 tháng 6 năm 2008. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà Đ và ông Kh có hạnh phúc trong thời gian đầu chung sống vợ chồng, đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Kh là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau và vợ chồng không có tiếng nói chung với nhau nên bà Đ và ông Kh đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Đối với ông Kh xác định, vợ chồng vẫn còn tình cảm và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đ vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông Kh vì bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Kh không còn, bà không thể chung sống với ông Kh được. Hơn nữa, tại phiên Tòa ông Kh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Kh được ly hôn với bà Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn ông Kh.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Đ và ông Kh có 02 người con chung là Trần Thị Thu Th, sinh ngày 21/9/2007 và Trần Khánh V, sinh ngày 17/4/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ. Hiện nay, cháu Th và cháu V đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy

lời khai đối với cháu Th và cháu V thì các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với bà Đ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Kh cũng đồng ý giao các con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mặt tinh thần cũng như tạo điều kiện phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội thì đối với yêu cầu bà Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đào Thị Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đào Thị Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị Đ và ông Trần Công Kh.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Trần Thị Thu Th, sinh ngày 21/9/2007 và Trần Khánh V, sinh ngày 17/4/2012 cho bà Đào Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà Đ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đ phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0008019 ngày 15 tháng 01 năm 20214 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công